

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**



CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	11

15:
DN
TN
(VI
T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 16 ngày 5 tháng 1 năm 2024.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Ng Wee Siong Leonard	Thành viên độc lập
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên
	(từ ngày 15 tháng 9 năm 2023)
Bà Hoàng Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch
	(đến ngày 26 tháng 5 năm 2023)
Ông Byung Chul Shin	Thành viên
	(đến ngày 26 tháng 5 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Ông Đồng Hải Hà	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Tan Bo Quan Andy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Vân Ngọc Nicki	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 9 tháng 8 năm 2023)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty mẹ”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc của Công ty để phê chuẩn và ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Thư Ủy quyền ngày 1 tháng 11 năm 2023.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 88. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

BCG ENERGY

Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 2 năm 2024



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần BCG Energy ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 2 năm 2024. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 88.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:


- (i) Như trình bày tại Thuyết minh 5 của báo cáo tài chính hợp nhất, công ty con của Tập đoàn đã ghi nhận khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 54.407.098.920 Đồng liên quan đến doanh thu của sản lượng điện bán cho Công ty Mua Bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) được sản xuất từ phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 được ước tính theo đơn giá trần quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023. Đơn giá này được ước tính là hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tập đoàn vẫn đang trong quá trình đàm phán và thống nhất với EVN về giá bán điện chính thức tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.
- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh 7, Thuyết minh 10(a)(i) và Thuyết minh 10(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với Công ty Cổ phần E Power 1 trị giá 107.234.483.975 Đồng và khoản phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) có giá trị vốn góp và lãi từ vốn góp lần lượt là 3.417.494.000.000 Đồng và 256.396.933.083 Đồng giữa Tập đoàn và các đối tác để thực hiện đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn, các đối tác BCC và chủ đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời đang làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm hoàn tất các thủ tục pháp lý để tiếp tục phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời nêu trên. Do đó, khả năng thu hồi khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản BCC bao gồm vốn góp và lãi này tùy thuộc vào tính khả thi và khả năng phát triển của các dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai.
- (iii) Như trình bày tại Thuyết minh 11(a) của báo cáo tài chính, ngày 25 tháng 12 năm 2023 Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3116/TB-TTTP kết luận thanh tra về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh kèm theo phụ lục số 01 về thông báo kết luận thanh tra tại Tỉnh Long An, trong đó có đề cập đến các dự án điện mặt trời của hai Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bàng Dương và Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương.


Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)




Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Vũ Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3631-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM14505
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.578.000.812.167	6.485.154.954.103
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	324.257.433.673	334.627.824.244
111	Tiền		74.531.880.865	305.027.824.244
112	Các khoản tương đương tiền		249.725.552.808	29.600.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		39.180.002.315	121.520.925.603
121	Chứng khoán kinh doanh	8(a)	-	34.930.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8(b)	39.180.002.315	86.590.925.603
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		7.159.041.969.387	5.791.475.384.416
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	317.900.737.762	170.916.916.646
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6(a)	1.108.502.551.579	1.488.920.162.298
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	109.645.483.975	95.324.483.975
136	Phải thu ngắn hạn khác	10(a)	5.622.993.196.071	4.036.313.821.497
140	Hàng tồn kho		813.889.293	753.047.522
141	Hàng tồn kho		813.889.293	753.047.522
150	Tài sản ngắn hạn khác		54.707.517.499	236.777.772.318
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	8.452.493.099	12.347.461.940
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	15(b)	46.255.024.400	224.430.310.378

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 88 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		11.458.553.390.625	14.363.682.370.239
210	Các khoản phải thu dài hạn		510.948.971.289	3.417.455.127.799
212	Trả trước cho người bán dài hạn	6(b)	-	56.400.000.000
215	Phải thu về cho vay dài hạn	7	10.698.022.927	50.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	10(b)	500.250.948.362	3.311.055.127.799
220	Tài sản cố định		9.399.728.038.087	7.884.753.661.285
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	8.994.944.695.897	7.492.469.916.561
222	Nguyên giá		10.403.015.587.959	8.406.449.411.833
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.408.070.892.062)	(913.979.495.272)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	11(b)	958.589.904	1.193.346.612
225	Nguyên giá		1.232.472.730	1.232.472.730
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(273.882.826)	(39.126.118)
227	Tài sản cố định vô hình	11(c)	403.824.752.286	391.090.398.112
228	Nguyên giá		420.826.943.652	399.518.014.730
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(17.002.191.366)	(8.427.616.618)
240	Tài sản dở dang dài hạn		1.073.431.031.494	2.578.497.296.371
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.073.431.031.494	2.578.497.296.371
250	Đầu tư tài chính dài hạn		339.092.799.513	342.412.077.882
252	Đầu tư vào công ty liên kết	8(d)	258.092.799.513	260.822.077.882
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8(c)	81.000.000.000	81.590.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		135.352.550.242	140.564.206.902
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	61.131.031.953	59.059.006.752
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	8.558.450.265	7.489.276.050
269	Lợi thế thương mại	13	65.663.068.024	74.015.924.100
270	TỔNG TÀI SẢN		19.036.554.202.792	20.848.837.324.342

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 88 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		9.300.452.205.369	13.671.758.879.591
310	Nợ ngắn hạn		3.079.292.264.807	4.206.972.248.433
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14(a)	1.223.109.690.620	1.345.356.798.512
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	302.970.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(a)	35.567.587.582	51.019.683.908
314	Phải trả người lao động		2.756.170.500	3.533.788.130
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	265.181.718.883	363.158.483.402
319	Phải trả ngắn hạn khác	17(a)	189.309.039.132	676.955.606.605
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18(a)	1.363.368.058.090	1.463.977.887.876
330	Nợ dài hạn		6.221.159.940.562	9.464.786.631.158
331	Phải trả người bán dài hạn	14(b)	250.864.145.998	191.037.276.046
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		13.640.642	18.454.994
337	Phải trả dài hạn khác	17(b)	856.000.000.000	1.697.692.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18(b)	5.034.922.124.978	7.500.626.340.587
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19	79.360.028.944	75.412.559.531
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.736.101.997.423	7.177.078.444.751
410	Vốn chủ sở hữu		9.736.101.997.423	7.177.078.444.751
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	7.300.000.000.000	4.500.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.300.000.000.000	4.500.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	186.649.401.164	248.194.181.618
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		247.103.099.050	81.270.701.105
421b	- (Lỗ sau thuế)/ LNST chưa phân phối của năm nay		(60.453.697.886)	166.923.480.513
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	2.249.452.596.259	2.428.884.263.133
440	TỔNG NGUỒN VỐN		19.036.554.202.792	20.848.837.324.342


Nguyễn Thị Thanh Hạ
Người lập


Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng


Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 29 tháng 2 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2023 VND	2022 VND	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1.125.647.318.634	1.063.783.614.013
11	Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp	25	(590.598.766.182)	(546.957.299.119)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		535.048.552.452	516.826.314.894
21	Doanh thu hoạt động tài chính	26	744.073.568.740	948.149.070.055
22	Chi phí tài chính	27	(1.345.278.223.299)	(1.196.483.607.995)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(967.422.134.827)	(883.650.635.811)
24	Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	8(d)	(50.179.278.369)	23.573.082.676
25	Chi phí bán hàng		(19.719.114)	(6.118.932.309)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(70.352.394.627)	(81.538.381.283)
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(186.707.494.217)	204.407.546.038
31	Thu nhập khác		49.116.675.413	140.553.682.378
32	Chi phí khác		(9.904.722.332)	(11.875.145.832)
40	Lợi nhuận khác	29	39.211.953.081	128.678.536.546
50	Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(147.495.541.136)	333.086.082.584
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	30	(6.608.375.513)	(42.509.737.272)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30	1.383.490.585	4.956.039.609
60	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(152.720.426.064)	295.532.384.921
	Phân bổ cho:			
61	Cổ đông của Công ty mẹ		(35.911.486.594)	359.977.222.304
62	Cổ đông không kiểm soát		(116.808.939.470)	(64.444.837.383)
70	(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	22(a)	(77)	1.041
71	(Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu	22(b)	(77)	1.041



Nguyễn Thị Thanh Hạ
Người lập



Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng



Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 29 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 88 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(147.495.541.136)	333.086.082.584
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), phân bổ lợi thế thương mại	496.312.234.192	305.389.367.291
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	99.735.147.130	17.028.033.157
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	23.447.281.112	(355.482.166.373)
06	Chi phí lãi vay và chi phí trái phiếu	986.624.162.324	887.143.969.147
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.458.623.283.622	1.187.165.285.806
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(994.459.161.216)	1.112.496.781.753
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(60.841.771)	116.519.724
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	499.291.749.224	(1.654.025.528.008)
12	Giảm chi phí trả trước	2.482.534.409	13.686.467.693
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh	34.930.000.000	(25.330.000.000)
14	Tiền lãi vay đã trả	(1.011.756.219.212)	(737.627.886.814)
15	Thuế TNDN đã nộp	(22.714.777.648)	(27.476.772.550)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(33.663.432.592)	(130.995.132.396)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(200.417.290.383)	(2.852.649.107.891)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	17.748.194.897	76.611.480.423
23	Tiền chi cho vay	(420.130.966.649)	(199.203.162.466)
24	Tiền thu hồi cho vay	492.522.867.010	199.204.769.979
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(47.407.409.286)	(2.662.643.880.067)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	587.219.527	1.707.149.160.125
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	44.949.063.659	31.122.788.523
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(112.148.321.225)	(3.700.407.951.374)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	2.800.000.000.000	2.108.218.771.398
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	1.950.048.347.604	3.625.319.490.862
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.606.691.398.652)	(1.844.923.555.328)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	(271.144.000)	-
36	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông	(7.700.000.000)	(121.750.000.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	135.385.804.952	3.766.864.706.932
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(10.425.948.865)	(64.538.376.838)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	334.627.824.244	399.169.064.201
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	55.558.294	(2.863.119)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	324.257.433.673	334.627.824.244

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 33.

Nguyễn Thị Thanh Hạ
Người lập

Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng

Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 29 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 88 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 ngày 5 tháng 1 năm 2024.

Chi tiết cổ đông của Công ty tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 20.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và sản xuất điện.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Các số liệu tương ứng của năm tài chính trước so sánh được với số liệu của năm tài chính này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 10 công ty con trực tiếp, 8 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 11 công ty con trực tiếp, 11 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con). Chi tiết được trình bày như sau:

Báo cáo tài chính của các công ty con và công ty liên kết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán trừ Công ty TNHH Skylight Power (Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp).

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
Công ty con trực tiếp							
1	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Sản xuất điện	Bến Lức, Long An	91,84	91,84	91,84	91,84
2	Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch (i)	Sản xuất điện	Phù Mỹ, Bình Định	51,00	41,28	51,00	41,28
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	Pleiku, Gia Lai	51,00	51,00	51,00	51,00
4	Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Sản xuất điện	Vũng Liêm, Vĩnh Long	50,50	50,50	50,50	50,50
5	Công ty Cổ phần Skylar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
6	Công ty Cổ phần BCG GAIA	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,97	50,23	50,97	50,82
7	Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	90,00	90,00	90,00	90,00
8	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Sản xuất điện	Trà Vinh	100,00	99,90	100,00	99,90

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
Công ty con trực tiếp (tiếp theo)							
9	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Sản xuất điện	Trà Vinh	100,00	99,93	100,00	99,93
10	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
11	Công ty Cổ phần E Power 1(ii)	Tư vấn, quản lý	TP. Hồ Chí Minh	-	-	99,80	99,80
Công ty con gián tiếp							
1	Công ty Cổ phần Greensky Infinitive (iii)	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	TP. Hồ Chí Minh	99,80	98,80	74,90	74,15
2	Công ty Cổ phần Cosmos Solar (iv)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	98,01	99,00	98,01
3	Công ty Cổ phần Herb Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
4	Công ty Cổ phần Orchid Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
5	Công ty Cổ phần Violet Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
6	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Sản xuất điện	Thạnh Hóa, Long An	99,90	50,23	99,90	50,82
7	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Sản xuất điện	Thạnh Hóa, Long An	99,90	50,23	99,90	50,82
8	Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy (v)	Sản xuất điện	TP. Hà Nội	99,80	98,80	-	-
9	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 (vi)	Sản xuất điện	Cà Mau	-	-	51,00	50,49
10	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3 (vi)	Sản xuất điện	Cà Mau	-	-	99,98	50,48
11	Công ty TNHH Cơ điện Skylar5 (vii)	Xây dựng công trình điện	TP. Hồ Chí Minh	-	-	100,00	99,00
12	Công ty Cổ phần Casper Solar (viii)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	-	-	99,00	98,01
Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp							
1	Công ty TNHH Skylight Power	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,00	50,00	50,00	50,00
2	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	49,00	49,00	49,00	49,00
Công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con							
1	Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,00	49,50	50,00	49,50

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

- (i) Theo các Ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang ngày 27 tháng 12 năm 2021, 2 cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Tập đoàn nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong công ty này.
- (ii) Theo Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị số 01/2023/NQ-HĐQT-TNM ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần E Power 1, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 49,9 tỷ Đồng theo Hợp đồng mua bán liên quan. Các thủ tục chuyển nhượng đã được hoàn tất vào ngày 18 tháng 9 năm 2023.
- (iii) Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-GSI ngày 28 tháng 9 năm 2023 về việc phê duyệt giảm vốn điều lệ Công ty Cổ phần Greensky Infnitive, công ty này đã giảm vốn điều lệ từ 116.386.000.000 Đồng xuống còn 2.116.000.000 Đồng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của các công ty đầu tư thay đổi theo, Công ty Cổ phần Skylar nắm giữ 211.178 cổ phần, tương ứng với 99,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Greensky Infnitive.
- (iv) Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ-COSMOS ngày 6 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt giải thể Công ty Cổ phần Cosmos Solar. Tại ngày 20 tháng 2 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục liên quan để giải thể công ty con này.
- (v) Theo Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ-SKYLAR ngày 30 tháng 11 năm 2023, Tập đoàn quyết định đã đổi mục đích đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy từ đầu tư chứng khoán kinh doanh sang đầu tư dài hạn do Tập đoàn chưa hoàn thành tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy trước thời hạn ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo như kế hoạch ban đầu. Theo đó, Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy trở thành Công ty con của Tập đoàn.
- (vi) Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 06/2022/BBH-HĐQT-AURAI ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc phê duyệt chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 và Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 150 tỷ Đồng và 148,5 tỷ Đồng theo các hợp đồng mua bán cổ phần liên quan. Các thủ tục về việc chuyển nhượng đã được hoàn tất vào ngày 12 tháng 6 năm 2023.
- (vii) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 03/2023/BBH-HĐQT-SKYLAR ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Skylar về việc phê duyệt các thay đổi tại Công ty TNHH Cơ điện Skylar5, Công ty Cổ phần Skylar đã thoái toàn bộ vốn điều lệ, tương ứng với 5.000.000 cổ phần tại Công ty TNHH Cơ điện Skylar5, thông qua chuyển nhượng cho ông Lâm Minh Kiệt với giá trị chuyển nhượng là 5 tỷ Đồng. Các thủ tục về chuyển quyền sở hữu cổ phần này đã được Công ty Cổ phần Skylar hoàn tất vào ngày 30 tháng 3 năm 2023.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

(viii) Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/BBH-ĐHĐCĐ-CASPER ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Casper Solar về việc thay đổi cơ cấu cổ đông, Công ty Cổ phần Skylar đã thoái toàn bộ vốn điều lệ, tương ứng với 198.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Casper Solar, thông qua chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần E Power 1 với giá trị chuyển nhượng là 1.980.000.000 Đồng. Các thủ tục về chuyển nhượng này đã được Công ty Cổ phần Skylar hoàn tất vào ngày 20 tháng 12 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 128 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 158 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất****Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất****Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.6 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm tài chính phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

2.11 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các công cụ tài chính khác do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(a) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa Tập đoàn và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức chia lợi nhuận trước thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận trước thuế.

BCC chia lợi nhuận trước thuế là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát, trong đó:

- (i) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.
- (ii) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.
- (iii) Nếu Tập đoàn là bên kế toán và quyết toán thuế, Tập đoàn sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí theo tỷ lệ tham gia cho các bên tham gia BCC trong kỳ.
- (iv) Nếu Tập đoàn không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Tập đoàn sẽ ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần doanh thu và chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.13 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Giấy phép đầu tư dự án	17 - 18 năm
Khác	2 - 10 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác; được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.14 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.16 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.17 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng. Trong đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.21 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất dựa vào ngày Biên bản họp của Hội đồng Quản trị sau khi có phương án chia cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.22 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính và chi phí tài chính khác.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (“bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh”), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (“bộ phận chia theo khu vực địa lý”). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.30 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Giá bán điện (Thuyết minh 5);
- Giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 3).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 HỢP NHẤT KINH DOANH

Tập đoàn đã thực hiện hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy do Công ty này đã trở thành Công ty con của Tập đoàn trong năm 2023 như trình bày tại Thuyết minh 1(v) và việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản thuần của Tập đoàn như sau:

	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày hợp nhất VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.213.163
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.732.266.150
TSCĐ hữu hình	63.182.795.710
TSCĐ vô hình (Thuyết minh 11(c))	21.308.928.922
Tài sản khác	4.765.064.777
	<hr/>
	92.045.268.722
Nợ phải trả	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.188.472.517
Nợ phải trả khác	746.333.145
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.261.785.784
Vay ngắn hạn	564.550.000
Vay dài hạn	37.037.036.998
	<hr/>
	43.798.178.444
	<hr/>
Tài sản thuần	48.247.090.278
	<hr/>
Lãi từ giao dịch mua rẻ (Thuyết minh 29)	(5.236.596.097)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(96.494.180)
	<hr/>
Tổng giá phí	42.914.000.000
	<hr/>
Khoản tiền thu được	56.213.163
	<hr/>
Tiền thuần chi ra	42.857.786.837
	<hr/> <hr/>

Doanh thu và lợi nhuận thuần của công ty được mua từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày mua là 13.117.012.056 Đồng và 2.511.563.152 Đồng và từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 1.068.932.958 Đồng và 95.966.161 Đồng.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2023 VND	2022 VND
Tiền mặt	63.509.696	64.009.696
Tiền gửi ngân hàng	74.468.371.169	304.963.814.548
Các khoản tương đương tiền (*)	249.725.552.808	29.600.000.000
	<u>324.257.433.673</u>	<u>334.627.824.244</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 1,5%/năm đến 3,6%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3,6%/năm đến 3,8%/năm).

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba		
Công ty Mua bán Điện	295.338.153.305	139.630.721.557
Khác	9.459.736.977	8.834.906.073
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	13.102.847.480	22.451.289.016
	<u>317.900.737.762</u>	<u>170.916.916.646</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn đã thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Tập đoàn và Công ty Mua bán điện cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 18).

Bao gồm trong số dư khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn, có khoản phải thu ngắn hạn Công ty Mua Bán Điện với Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch, Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương và Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương với tổng số tiền là 278.009.841.496 Đồng, chi tiết như sau:

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

- Giá bán điện chính thức đối với phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 vẫn đang trong quá trình đàm phán với EVN. Trong thời gian chờ các cấp có thẩm quyền ban hành khung pháp lý, hướng dẫn chi tiết cách thức tính giá điện, ngày 16 tháng 5 năm 2023, được sự chấp thuận của Bộ Công thương, Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch (“Công ty con” của Tập đoàn) và EVN/EPTC đã ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung phụ lục số 03 của Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 3 với giá tạm tính là 50% giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023. Tiếp theo đó, trong khoảng thời gian nửa cuối năm 2023, Tập đoàn đã chỉ đạo Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch có các Văn bản đề nghị EVN/EPTC tiếp tục tiến hành đàm phán giá điện chính thức và chủ động tính toán, đề xuất giá điện đàm phán với EVN/EPTC dựa theo nguyên tắc của Thông tư số 15/2022/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2022 quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp và Thông tư số 57/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện. Tại ngày 8 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch đã gửi công văn cho EVN về việc đàm phán giá điện chính thức theo đơn giá ước tính này. Qua các phiên làm việc, đàm phán ban đầu, hai Bên đã thống nhất về trình tự, cách thức triển khai và đang trong quá trình xem xét Tổng mức đầu tư (là đầu vào quan trọng nhất của việc tính toán), Ban Tổng Giám đốc tin rằng khả năng Công ty có thể đàm phán thành công mức giá bán điện cao hơn mức giá trần nói trên cho sản lượng đã hòa vào lưới điện quốc gia. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc đàm phán giá điện này dự kiến sẽ hoàn tất trong quý I năm 2024.

Giá bán điện đàm phán tính toán được hiện đang cao hơn so với giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023 ban hành khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp. Tuy nhiên, theo nguyên tắc thận trọng, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất tương ứng với công suất 83,10 MWp và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 và Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 trong năm 2023 với giá bán điện bằng với giá trần được quy định tại Quyết định 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023 và Tập đoàn xem đây là ước tính hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

- Theo Thông báo của Thanh tra Chính phủ số 3116/TB - TTCP ngày 25 tháng 12 năm 2023, Dự án Nhà máy Điện mặt trời GAIA do Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương (công ty con gián tiếp của Tập đoàn) là chủ đầu tư và Nhà máy Điện mặt trời BCG - Băng Dương do Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương (công ty con gián tiếp của Tập đoàn) là chủ đầu tư đã được vận hành thương mại khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo hoặc Sở Công Thương) kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có các đánh giá chi tiết như sau:

Dự án được hoàn thành và vận hành thương mại cuối năm 2020. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID, đặc biệt nghiêm trọng trong năm 2021, dẫn đến khó khăn, chậm trễ trong việc tập hợp, hoàn thiện các hồ sơ dự án theo quy định. Theo đó, đến cuối năm 2021, các dự án mới đủ điều kiện về hồ sơ để mời Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)*** Dự án Nhà máy Điện mặt trời GAIA**

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, chủ đầu tư có văn bản số 45/2021/CV-HANWHA.BCG kèm hồ sơ dự án gửi Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo mời kiểm tra công tác nghiệm thu công trình Nhà máy Điện mặt trời GAIA. Trên cơ sở Biên bản làm việc, Biên bản vi phạm hành chính liên quan đến dự án của đoàn kiểm tra ngày 05/4/2022 và Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Thanh tra Sở Xây dựng Tỉnh Long An, chủ đầu tư đã hoàn tất các nghĩa vụ nộp phạt hành chính trong năm 2022 và tiến hành bổ sung các hồ sơ theo quy định. Đồng thời chủ đầu tư đã gửi báo cáo cho Cục Điện lực và Năng lượng về kết quả thực hiện tại Văn bản số 19/2022/CV-HWBCG ngày 18 tháng 7 năm 2022.

Tuy nhiên, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của nhà máy điện mặt trời GAIA chưa được phê duyệt (Thuyết minh 11), cho nên Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chưa thể chấp thuận công tác nghiệm thu, mặc dù về khía cạnh chủ đầu tư, Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý theo quy định, bao gồm các thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo hướng dẫn của các Sở, ngành địa phương. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng thẩm quyền phê duyệt mục đích chuyển đổi sử dụng đất sẽ được làm rõ trong tương lai gần. Dựa trên các thông tin hiện có tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đánh giá vấn đề được nêu bởi Thanh tra Chính phủ không ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán điện Tập đoàn đã ký kết với EVN.

*** Dự án Nhà máy Điện mặt trời BCG - Băng Dương**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương đã hoàn thành các công tác nghiệm thu và các nghĩa vụ pháp lý theo quy định cho dự án. Theo đó, ngày 23 tháng 3 năm 2022, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo đã có Thông báo số 20/TB-ĐL chấp thuận công tác nghiệm thu dự án. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các vấn đề nêu bởi Thanh tra Chính phủ đã được khắc phục. Dựa trên các thông tin trên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để được giao đất phát triển dự án, ngoài ra Tập đoàn cũng đã ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN phù hợp với các yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

Do đó, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất trong năm 2023 với giá bán điện ưu đãi theo hợp đồng đã ký kết trước đó với EVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán là 56.707.324.884 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 Đồng).

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH TMDV MTV Huỳnh Phát Huy	670.937.900.000	788.937.900.000
Powerchina International Group Limited	142.937.642.745	142.937.642.745
Công ty TNHH Tổng hợp Hưng Lộc	74.233.064.600	74.233.064.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang (i)	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	31.515.453.438	71.515.453.438
Các đối tượng khác	99.144.166.475	291.178.120.778
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	53.734.324.321	120.117.980.737
	<u>1.108.502.551.579</u>	<u>1.488.920.162.298</u>

- (i) Đây là khoản đặt cọc cho việc chuyển nhượng cổ phần tại các công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang theo Thỏa thuận Đặt cọc số 1801/2021/HDDC ký ngày 18 tháng 1 năm 2021 về việc đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần và biên bản làm việc ngày 21 tháng 12 năm 2022 cho việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến hết năm 2024.

Tuy nhiên, tại ngày 6 tháng 2 năm 2024, Công ty đã thanh lý hợp đồng với Công ty Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang và chuyển đổi khoản trả trước này thành khoản đầu tư hợp tác giữa hai bên theo Hợp đồng ngày 6 tháng 2 năm 2024 để đầu tư dự án Nhà máy Điện gió E&M Đắc Lắc, với thời hạn là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng này sẽ được phân chia lợi nhuận khi dự án đi vào hoạt động.

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang (i)	-	36.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầm Nhìn Mới	-	20.400.000.000
	<u>-</u>	<u>56.400.000.000</u>

- (i) Khoản này đã được phân loại trình bày sang khoản trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6(a)).

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, toàn bộ số dư thể hiện khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn với các bên liên quan (Thuyết minh 34(b)) với lãi suất từ 0%/năm đến 9%/năm với kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 39 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lãi suất từ 0%/năm đến 10,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư phải thu về cho vay bao gồm khoản Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương cho Công ty Cổ phần E Power 1, trị giá là 107.234.483.975 Đồng. Mục đích của khoản cho vay này là để Công ty Cổ phần E Power 1 phục vụ hoạt động kinh doanh của chính Công ty và cho các Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thành Diamond, Công ty Cổ phần Green Solution, Công ty Cổ phần Mega Solar vay lại để đầu tư vào các dự án điện gió, điện mặt trời. Để các dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì các dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời của các Công ty này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám Đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của các Dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai là cao. Vì vậy Ban Tổng Giám đốc tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu về cho vay này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập cho các khoản phải thu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	2023			2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	-	-	-	34.930.000.000	(*)	-

Theo Nghị quyết hợp Đại hội đồng Cổ đông số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ-SKYLAR ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc chuyển đổi mục đích đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy, Công ty quyết định không tiếp tục tìm kiếm đối tác chuyển nhượng mà thay vào đó sẽ đổi mục đích đầu tư từ đầu tư chứng khoán kinh doanh sang đầu tư dài hạn do Tập đoàn chưa hoàn thành tìm kiếm được đối tác để chuyển nhượng Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy trước thời hạn ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo như kế hoạch ban đầu (Thuyết minh 1(v)).

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2023			2022		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Tiền gửi có kỳ hạn	39.180.002.315	39.180.002.315	86.590.925.603	86.590.925.603	86.590.925.603	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 10,7%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,55%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

- 8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2023		2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	59.400.000.000	(*)	59.400.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	21.600.000.000	(*)	21.600.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Tracodi Power (i)	-	-	590.000.000	(*)
	81.000.000.000	-	81.590.000.000	-

(i) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Tracodi Power, theo đó Tập đoàn đã thoái vốn toàn bộ 11,8% vốn điều lệ, tương ứng với 59.000 cổ phần. Các thủ tục về việc chuyển nhượng của Tập đoàn đã được hoàn tất vào ngày 22 tháng 12 năm 2023.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin về hoạt động kinh doanh của các công ty này như sau:

Công ty	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất điện

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Đầu tư vào công ty liên kết

	2023			2022		
	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Skylight Power	15.011.310.830	24.952.712.350	(*)	14.472.921.191	24.952.712.350	(*)
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	10.974.228.607	2.205.000.000	(*)	11.182.912.837	2.205.000.000	(*)
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky (i)	232.107.260.076	256.012.000.000	(*)	235.166.243.854	208.562.000.000	(*)
	<u>258.092.799.513</u>	<u>283.169.712.350</u>		<u>260.822.077.882</u>	<u>235.719.712.350</u>	

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động về giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng giá gốc khoản đầu tư VND	Lãi/ (lỗ) trong công ty liên kết VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Công ty TNHH Skylight Power	14.472.921.191	-	538.389.639	15.011.310.830
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	11.182.912.837	-	(208.684.230)	10.974.228.607
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky (i)	235.166.243.854	47.450.000.000	(50.508.983.778)	232.107.260.076
	<u>260.822.077.882</u>	<u>47.450.000.000</u>	<u>(50.179.278.369)</u>	<u>258.092.799.513</u>

(i) Theo Biên bản họp số 01/2023/BBH-ĐHĐCĐ-BCG SP Greensky ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky, Công ty Cổ phần Skylar đã đăng ký mua thêm 4.745.000 cổ phần, tương đương 47.450.000.000 Đồng và không thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky.

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	2023 VND	2022 VND
Công cụ, dụng cụ	2.897.350.657	3.305.556.758
Chi phí quản lý tài sản đảm bảo	2.737.603.307	2.613.636.365
Chi phí dịch vụ thu xếp vốn	-	4.356.060.605
Khác	2.817.539.135	2.072.208.212
	<u>8.452.493.099</u>	<u>12.347.461.940</u>

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Chi phí bảo hiểm	24.437.955.782	27.139.744.478
Tiền thuê đất trả trước	16.571.227.515	12.124.837.623
Chi phí quản lý trái phiếu	9.600.000.000	-
Chi phí giải phóng mặt bằng	1.987.337.285	7.275.384.994
Công cụ dụng cụ, thiết bị	246.079.025	705.311.169
Khác	8.288.432.346	11.813.728.488
	<u>61.131.031.953</u>	<u>59.059.006.752</u>

10 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2023		2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Vốn góp vào BCC (*)	5.318.529.455.067	-	3.425.678.749.585	-
Lãi từ BCC	258.600.933.085	-	203.268.193.183	-
Tạm ứng cho nhân viên	29.633.722.260	-	340.716.341.747	-
Lãi phải thu từ cho vay, tiền gửi	10.474.663.149	-	28.691.729.551	-
Khác	5.754.422.510	-	37.958.807.431	-
	<u>5.622.993.196.071</u>	<u>-</u>	<u>4.036.313.821.497</u>	<u>-</u>
Trong đó				
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Artemis Investment	373.526.684.931	-	319.776.164.383	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thành Diamond	377.338.998.636	-	323.669.846.546	-
Khác	449.509.271.739	-	2.353.163.866.326	-
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	4.422.618.240.765	-	1.039.703.944.242	-
	<u>5.622.993.196.071</u>	<u>-</u>	<u>4.036.313.821.497</u>	<u>-</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**Mẫu số B 09 – DN/HN****10 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(*) Chi tiết phải thu từ BCC có giá trị lớn như sau:

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	2.380.135.455.067	Số 270421BCG - KL1: 20/4/2021 - 20/4/2024	Dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư.	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 12%/năm trên tổng số tiền đã chuyển (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 16%). - Sau khi dự án đi vào vận hành: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond (i)	290.600.000.000	Số 01/2021/HTKD-TH-TT: 27/12/2021 - 27/12/2022 Phụ lục 1: 1/12/2022 - 27/12/2023 Phụ lục 2: 28/12/2023- 27/12/2024	Dự án Nhà máy Điện Năng lượng Mặt trời Hoa Hường Dương ("Dự án Sunflower") do Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond chịu trách nhiệm triển khai các thủ tục pháp lý ban đầu và đền bù giải phóng mặt bằng; tư vấn đầu tư; thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị cho Dự án Sunflower.	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án đang trong giai đoạn xây dựng - Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 18,65%/năm trên tổng số tiền đã chuyển (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 11,05%). - Sau khi dự án đi vào vận hành: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**Mẫu số B 09 – DN/HN****10 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(*) Chi tiết các BCC có giá trị lớn như sau (tiếp theo):

Bên nhận góp BCC	Số tiền	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Mega Solar (i)	300.000.000.000 VND	Số 2309/2020/HTKD_soctrang:megasolar 22/9/2023 - 22/9/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện mặt trời BCG Điện Biên 1	Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	30.120.000.000	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 6/12/2023 - 6/12/2024	Hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	300.000.000.000	Số 1508/2023/ĐT1-MEGA: 15/8/2023 - 15/8/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 11,6%/năm - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối mỗi tháng.
	156.000.000.000	Số 1508/2023/ĐT2-MEGA: 15/08/2023- 15/08/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 11,6%/năm - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối mỗi tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**Mẫu số B 09 – DN/HN****10 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(*) Chi tiết các BCC có giá trị lớn như sau (tiếp theo):

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong (i)	569.691.000.000	Số 2204/2022/HTKD/WINDST-DPE: 22/4/2023 -22/4/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	430.284.000.000	Số 2204/2022/HKTD/DT2-DP: 22/4/2023 -22/4/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	94.967.000.000	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 31/10/2023 - 31/10/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid (i)	180.000.000.000	Số 3011/2021/HTKD/DT1-Orchid: 30/11/2021 - 29/11/2024	Dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3 với công suất 50MWp tại Tỉnh Long An.	Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng lợi tức không ít hơn 12,5%/năm trên tổng số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 11,15%). - Sau khi dự án đi vào hoạt động: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết các BCC có giá trị lớn như sau (tiếp theo):

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Artemis Investment (i)	240.000.000.000	Số 13/12/2021/HTKD-DT1-Artemis: 13/12/2021 - 13/12/2022 Phụ lục 3: 13/12/2022 - 12/12/2023 Phụ lục 6: 13/12/2023-12/12/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 15% khoản đóng góp của Bên đóng góp. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	62.500.000.000	Số 150201/2022/HTKD/Di2-Artemis: 15/2/2022 - 15/2/2023 Phụ lục: 15/2/2023 - 15/2/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT1	Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn.
Công ty Cổ phần Hibiscus (i)	65.556.000.000	Số 30/11/2021/HTKD/DT1 - Hibicus: 30/11/2021 - 30/11/2022 Phụ lục 2: 30/11/2022 - 29/11/2023 Phụ lục 7: 30/11/2023-29/11/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án nhà máy Đức Huệ VNT4	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 12,5% khoản đóng góp của Bên đóng góp. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
Công ty Cổ phần Plus Investment (i)	90.000.000.000	Số 30/11/2021/HTKD/DT1 - Plus: 30/11/2021 - 30/11/2022 Phụ lục 2: 30/11/2022 - 29/11/2023 Phụ lục 5: 30/11/2023-29/11/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT2	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 12,5% khoản đóng góp của Bên đóng góp. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết các BCC có giá trị lớn như sau (tiếp theo):

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 (i)	128.676.000.000	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 26/12/2023 - 26/12/2024	Hợp tác Nhà máy điện gió Khai Long 2	- Phân chia lợi nhuận theo thu nhập trước lãi vay và thuế ("EBIT") được phân phối từ doanh thu của từng dự án, nhưng không ít hơn 9,5% - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

5.318.529.455.067

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời này ("Dự án") có tổng giá trị BCC là 3.417.494.000.000 Đồng trong đó 2.938.394.000.000 Đồng là BCC ngắn hạn và 479.100.000.000 Đồng là BCC dài hạn (Thuyết minh 10(b)(**)) đang trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tiến hành xây dựng. Để các dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì các dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, các Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám Đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của các Dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai là cao. Do đó, Ban Tổng Giám Đốc tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản BCC này và Ban Tổng Giám Đốc đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập cho việc lập cho việc khó thu hồi các khoản BCC nói trên.

10 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2023		2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ BCC (*)	489.100.000.000	-	3.188.531.299.680	-
Ký quỹ, ký cược	11.077.000.000	-	5.098.097.818	-
Lãi phải thu từ BCC	-	-	117.425.730.301	-
Các khoản khác	73.948.362	-	-	-
	<u>500.250.948.362</u>	<u>-</u>	<u>3.311.055.127.799</u>	<u>-</u>
Trong đó:				
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát (**)				
Phát (**)	479.100.000.000	-	479.500.000.000	-
Khác	11.150.948.362	-	321.555.127.799	-
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.510.000.000.000</u>	<u>-</u>
	<u>500.250.948.362</u>	<u>-</u>	<u>3.311.055.127.799</u>	<u>-</u>

(*) Số dư thể hiện khoản BCC cùng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát vào các dự án phát triển năng lượng tái tạo, và đầu tư trái phiếu, cổ phiếu với số tiền là 479.100.000.000 Đồng. Cụ thể, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư với thời gian là 5 năm kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2020. Theo đó, Tập đoàn sẽ được hưởng lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

(**) Đây là khoản BCC phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát liên quan đến việc thực hiện phát triển dự án Nhà máy Điện gió (“Dự án”). Dự án này đang trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tiến hành xây dựng. Để dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ cần thiết để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, dự án điện gió này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám Đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của Dự án điện gió trong tương lai là cao. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản BCC này và Ban Tổng Giám đốc đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập về khó thu hồi khoản BCC nói trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

11	TSCĐ		Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
(a)	TSCĐ hữu hình							
	Nguyên giá							
	Tại ngày 1.1.2023	2.014.444.087.841	5.538.927.575.838	850.708.649.063	2.369.099.091	-	8.406.449.411.833	
	Mua trong năm	-	224.041.087	95.000.000	-	113.837.200	432.878.287	
	Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	585.400.000	1.917.547.897.839	-	-	-	1.918.133.297.839	
	Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	78.000.000.000	-	-	-	78.000.000.000	
	Tại ngày 31.12.2023	2.015.029.487.841	7.534.699.514.764	850.803.649.063	2.369.099.091	113.837.200	10.403.015.587.959	
	Giá trị khấu hao lũy kế							
	Tại ngày 1.1.2023	218.758.977.670	609.866.097.352	84.802.992.798	551.427.452	-	913.979.495.272	
	Khấu hao trong năm	105.034.042.134	330.511.759.806	43.365.352.584	355.132.620	7.905.360	479.274.192.504	
	Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	14.817.204.286	-	-	-	14.817.204.286	
	Tại ngày 31.12.2023	323.793.019.804	955.195.061.444	128.168.345.382	906.560.072	7.905.360	1.408.070.892.062	
	Giá trị còn lại							
	Tại ngày 1.1.2023	1.795.685.110.171	4.929.061.478.486	765.905.656.265	1.817.671.639	-	7.492.469.916.561	
	Tại ngày 31.12.2023	1.691.236.468.037	6.579.504.453.320	722.635.303.681	1.462.539.019	105.931.840	8.994.944.695.897	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và truyền dẫn của Tập đoàn đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng và các đối tượng khác (Thuyết minh 18).

11 TSCĐ (tiếp theo)**(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)**

Tổng chi phí lãi vay đã được vốn hóa trong TSCĐ hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 76.449.669.687 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 50.579.158.601 Đồng).

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3116/TB-TTCP kết luận thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh kèm theo phụ lục số 01 về thông báo kết luận thanh tra tại Tỉnh Long An. Theo đó:

- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bông Dương (“BCG – Bông Dương”) đã nhận bàn giao diện tích đất 50 ha từ Ban quản lý Huyện Thạch Hóa, Tỉnh Long An trước khi được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An cho thuê đất; và vượt 1,29 ha so với hạn mức quy định tại khoản 4 điều 10 Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời. Để khắc phục vấn đề này, ngày 15 tháng 6 năm 2023, BCG – Bông Dương đã có Công văn số 05/2023/CV-BCGBD gửi UBND Tỉnh Long An cùng các cơ quan có liên quan, đề nghị trả lại UBND Tỉnh Long An phần đất được giao vượt quy định. Vì đây là đất thuê và chưa có tài sản hình thành trên phần đất vượt hạn mức, do đó, việc hoàn trả lại phần đất vượt hạn mức nói trên không dẫn đến việc xóa sổ tài sản nào trên báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Phần đất có diện tích 124,8 ha đã cấp cho Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bông Dương (“Hanwha – BCG Bông Dương”) có nguồn gốc đất, rừng sản xuất. Để nghiệm thu Dự án nhà máy điện mặt trời GAIA Tập đoàn phải được phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất năng lượng. Tập đoàn đã trúng đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất theo Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 15 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Tập đoàn đã ký Hợp đồng thuê đất và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và cam kết theo quy định. Việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã được Tập đoàn thực hiện sau khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất từ tháng 1 năm 2020 và đã được UBND Tỉnh Long An phê duyệt. Tuy nhiên theo Thông báo của Thanh tra Chính phủ thì thẩm quyền phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất này thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Để tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Dự án, ngày 26 tháng 10 năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có cuộc họp với UBND Tỉnh Long An và UBND Tỉnh Long An đã rà soát để thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004. Theo đó, thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất nói trên thuộc UBND Tỉnh Long An (theo Thông báo kết luận cuộc họp số 7731/TB-BNN-VP ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất năng lượng là phù hợp theo các quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thuê đất với Tỉnh Long An vẫn tiếp tục có hiệu lực.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên bởi Thông báo của Thanh tra Chính phủ đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn là thấp.

11 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ thuê tài chính

Phương tiện vận tải
VND

Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2023 và ngày 31.12.2023	1.232.472.730
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2023	39.126.118
Khấu hao trong năm	234.756.708
Tại ngày 31.12.2023	273.882.826
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2023	1.193.346.612
Tại ngày 31.12.2023	958.589.904

TSCĐ thuê tài chính liên quan đến hợp đồng thuê tài chính số 63.22.07/CTTC ngày 25 tháng 10 năm 2022 giữa Tập đoàn và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thuê tài chính này chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân, do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,5%/năm. Khi Tập đoàn hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ như quy định tại hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền được mua lại tài sản thuê bằng giá danh nghĩa là 1.500.000 Đồng khi kết thúc thời hạn thuê.

11 TSCĐ (tiếp theo)

(c) TSCĐ vô hình

Giấy phép đầu tư dự án
VND**Nguyên giá**

Tại ngày 1.1.2023
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3)

399.518.014.730
21.308.928.922

Tại ngày 31.12.2023

420.826.943.652

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1.1.2023
Khấu hao trong năm

8.427.616.618
8.574.574.748

Tại ngày 31.12.2023

17.002.191.366

Giá trị còn lại

Tại ngày 1.1.2023

391.090.398.112

Tại ngày 31.12.2023

403.824.752.286

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2023 VND	2022 VND
Dự án nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	782.154.991.965	563.111.068.773
Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 1	104.447.584.290	89.855.774.802
Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 2	70.910.802.204	29.956.989.769
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 2	18.756.595.644	-
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 3	18.769.592.919	-
Dự án Nhà máy điện Phù Mỹ giai đoạn 2	15.057.093.230	1.860.893.142.595
Dự án nhà máy điện gió BCG Sóc Trăng 1	8.710.953.672	6.116.169.280
Khác	54.623.417.571	28.564.151.152
	<u>1.073.431.031.494</u>	<u>2.578.497.296.371</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	2.578.497.296.371	1.798.753.630.379
Tăng trong năm	399.965.755.476	910.822.657.038
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(1.918.133.297.839)	(135.610.779.167)
Tăng khác	13.101.277.486	4.531.788.121
Số dư cuối năm	<u>1.073.431.031.494</u>	<u>2.578.497.296.371</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch VND	Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long VND	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.040.278.271	4.590.909.091	74.897.373.381	83.528.560.743
Giá trị phân bổ lũy kế Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 Phân bổ trong năm	1.028.959.911 404.027.828	993.939.392 459.090.908	7.489.737.340 7.489.737.340	9.512.636.643 8.352.856.076
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.432.987.739	1.453.030.300	14.979.474.680	17.865.492.719
Giá trị còn lại Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.011.318.360	3.596.969.699	67.407.636.041	74.015.924.100
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.607.290.532	3.137.878.791	59.917.898.701	65.663.068.024

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

(a) Ngắn hạn

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co.,Ltd	264.797.173.119	264.797.173.119	301.683.722.704	301.683.722.704
Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	423.223.088.490	423.223.088.490	324.128.768.342	324.128.768.342
Khác	126.191.503.298	126.191.503.298	180.156.055.553	180.156.055.553
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	408.897.925.713	408.897.925.713	539.388.251.913	539.388.251.913
	<u>1.223.109.690.620</u>	<u>1.223.109.690.620</u>	<u>1.345.356.798.512</u>	<u>1.345.356.798.512</u>

(b) Dài hạn

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co.,Ltd	-	-	103.964.826.965	103.964.826.965
Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	-	-	87.072.449.081	87.072.449.081
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	250.864.145.998	250.864.145.998	-	-
	<u>250.864.145.998</u>	<u>250.864.145.998</u>	<u>191.037.276.046</u>	<u>191.037.276.046</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)	2023 VND	2022 VND
(c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Thái Hòa	7.400.000.000	7.400.000.000
Công ty TNHH Intertek Việt Nam	5.944.641.328	5.464.125.454
Chi nhánh Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng Công ty Thái Sơn - Xi Nghiệp Xây dựng và Cơ điện lạnh	1.133.997.500	1.133.997.500
Công ty TNHH DNV GL Việt Nam	727.530.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	360.787.200	-
Công ty Cổ phần Magnolia Investment	263.000.000	508.000.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Sterling Việt Nam	28.652.084	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)	-	172.800.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mở Delta	-	1.166.454.548
Bên liên quan	-	57.750.000
	<u>15.858.608.112</u>	<u>15.903.127.502</u>

Đây là khoản phải trả đã quá hạn liên quan đến việc, mua dịch vụ và mua cổ phần tại Công ty con với các bên thứ ba. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang đàm phán để gia hạn các khoản nợ này.

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng do hợp nhất kinh doanh VND	Số phải nộp/phải thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ được hoàn trong năm VND	Cán trừ trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
(a) Phải trả						
Thuế GTGT	7.597.442.352	-	90.978.486.148	(62.365.063.413)	(32.444.903.693)	3.765.961.394
Thuế TNDN	42.509.587.441	759.572.559	6.608.375.513	(22.714.777.648)	-	27.162.757.865
Thuế thu nhập cá nhân	912.654.115	-	2.791.267.045	(3.163.599.143)	-	540.322.017
Khác	-	-	10.456.178.176	(6.357.631.870)	-	4.098.546.306
	<u>51.019.683.908</u>	<u>759.572.559</u>	<u>110.834.306.882</u>	<u>(94.601.072.074)</u>	<u>(32.444.903.693)</u>	<u>35.567.587.582</u>
(b) Phải thu						
Thuế GTGT	224.430.310.378	4.314.187.029	43.092.849.050	(193.137.418.364)	(32.444.903.693)	46.255.024.400

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	206.566.337.977	250.900.422.362
Chi phí tạm tăng TSCĐ	34.829.238.883	-
Chi phí lãi BCC	8.140.986.800	104.927.365.055
Khác	15.645.155.223	7.330.695.985
	<u>265.181.718.883</u>	<u>363.158.483.402</u>

17 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay, lãi BCC	164.099.905.891	53.590.264.583
Phải trả hợp đồng BCC (*)	11.480.000.000	591.951.460.516
BHXX, BHYT, BHTN	87.924.202	310.113.102
Cổ tức phải trả	-	5.700.000.000
Khác	13.641.209.039	25.403.768.404
	<u>189.309.039.132</u>	<u>676.955.606.605</u>
Trong đó		
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần MGM Hanbit	107.553.917.812	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuân	-	350.000.000.000
Khác	34.725.225.430	180.549.965.510
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	47.029.895.890	146.405.641.095
	<u>189.309.039.132</u>	<u>676.955.606.605</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**Mẫu số B 09 – DN/HN****17 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)****(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(*) Chi tiết phải trả BCC có giá trị lớn như sau:

Bên góp BCC	Số tiền VND	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Công ty Cổ phần Mega Solar	11.480.000.000	Số 0612/2022/HTKD/BCGE-MGS: 06/12/2022 - 06/12/2023 07/12/2023 - 06/12/2024	Hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

17 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

Phải trả dài hạn khác bao gồm phải trả cho các hợp đồng BCC, trong đó:

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	456.000.000.000	490.525.000.000
Công ty Cổ phần MGM Hanbit	400.000.000.000	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Skylar Flagship	-	420.000.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	-	387.167.000.000
	<u>856.000.000.000</u>	<u>1.697.692.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

17 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết số dư BCC với các bên thứ ba như sau:

Bên góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Công ty Cổ phần MGM Hanbit	400.000.000.000	Số 01.12/2021/HĐ - HTĐT/ĐT1 - MGM: 1/12/2021-1/12/2031	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn phải trả khoản lợi tức là 15,5%/năm trên tổng số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 11,1%/năm). - Việc chi trả lợi tức sẽ được thực hiện sáu tháng một lần.
Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	300.000.000.000	Số 230601/2021/HTKD/GATEWAY- DT1:23/06/2021-23/6/2031	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn phải trả khoản lợi tức là 11,52%/năm trên tổng số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 9,55%/năm). - Việc chi trả lợi tức sẽ được thực hiện vào một lần một năm.
	156.000.000.000	Số 230601/2021/HTKD/GATEWAY- DT2: 23/6/2021 -23/06/2031	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn phải trả khoản lợi tức là 11,52%/năm trên tổng số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 9,55%/năm). - Việc chi trả lợi tức sẽ được thực hiện vào một lần một năm.
	<u>856.000.000.000</u>			

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn không có khoản phải trả khác nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Giảm do thoái vốn công ty con VND	Giải ngân VND	Trả nợ vay VND	Phân loại lại VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Vay ngân hàng (i)	50.000.000.000	(50.000.000.000)	50.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đảo hạn trong vòng một năm (i)	450.266.348.130	-	-	(483.630.771.491)	481.003.636.951	-	447.639.213.590
Chi phí đi vay	-	-	-	-	(2.124.799.500)	-	(2.124.799.500)
Trái phiếu chuyển đổi	67.636.791.580	-	-	(67.636.791.580)	-	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu đảo hạn trong vòng một năm	-	-	-	-	-	-	-
Vay từ bên liên quan (ii)	106.500.000.000	-	26.678.847.604	(74.808.847.604)	(39.000.000.000)	-	19.370.000.000
Vay từ các đối tượng khác (ii)	789.303.604.166	-	80.717.000.000	(81.915.204.166)	39.000.000.000	21.107.100.000	848.212.500.000
Nợ thuế tài chính	271.144.000	-	-	(271.144.000)	271.144.000	-	271.144.000
	<u>1.463.977.887.876</u>	<u>(50.000.000.000)</u>	<u>157.395.847.604</u>	<u>(708.262.758.841)</u>	<u>479.149.981.451</u>	<u>21.107.100.000</u>	<u>1.363.368.058.090</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Dài hạn	Tại ngày	Tăng do hợp	Giải ngân	Trả nợ vay	Phân loại lại	Đánh giá chênh	Tại ngày
	1.1.2023	nhất kinh					VND
	VND	doanh	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng (i)	4.096.988.464.140	45.185.185.160	1.818.150.000.000	(1.493.569.783.811)	(481.003.636.951)	70.762.847.500	4.056.513.076.038
Chi phí đi vay	-	-	(25.497.500.000)	1.239.461.440	2.124.799.500	-	(22.133.239.060)
Phát hành trái phiếu (iii)	2.789.000.000.000	-	-	(2.289.000.000.000)	-	-	500.000.000.000
Chi phí phát hành trái							
phiếu	(2.305.555.553)	-	(25.000.000.000)	27.305.555.553	-	-	-
Vay từ bên liên quan (ii)	535.000.000.000	-	-	-	(35.000.000.000)	-	500.000.000.000
Vay từ các đối tượng							
khác	81.130.000.000	-	-	(116.130.000.000)	35.000.000.000	-	-
Nợ thuế tài chính	813.432.000	-	-	-	(271.144.000)	-	542.288.000
	<u>7.500.626.340.587</u>	<u>45.185.185.160</u>	<u>1.767.652.500.000</u>	<u>(3.870.154.766.818)</u>	<u>(479.149.981.451)</u>	<u>70.762.847.500</u>	<u>5.034.922.124.978</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng như sau:

Bên cho vay	Tại ngày 31.12.2023 VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	2.022.461.436.696	Đây là khoản vay bằng USD để tài trợ chi phí đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 123 - Giai đoạn 1	Đến 05/05/2031	lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND cộng biên độ tối thiểu 4%/năm	Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và toàn bộ động sản thuộc của công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện; toàn bộ cổ phần và quyền tài sản phát sinh từ các dự án.
DBS Bank Ltd, Singapore	1.836.822.850.000	Tài trợ cho các dự án, hợp đồng hợp tác kinh doanh và kế hoạch kinh doanh. Số dư tại ngày 31.12.2023 bằng USD là 75.279.625 Đô la Mỹ tương đương 1.836.822.850.000 Đồng	Đến 30/6/2035	SOFR +2.9%	(*)
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	598.233.183.534	Tài trợ dự án Nhà máy điện mặt trời Vneco Vĩnh Long	Đến 15/01/2036	10,55 - 12,75	Tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy điện mặt trời tại công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	50.000.000.000	Thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp	Đến 16/3/2024	5,20	Tài sản thế chấp là hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng của Công ty trong Tập đoàn.
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	36.296.296.256	Tài trợ chi phí xây dựng dự án điện mặt trời mái nhà	Đến 26/12/2029	7,3	Hệ thống điện mặt trời mái nhà của công ty con tại Siêu thị Gõ Tây, khu ICD Tân Cảng Long Bình, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai - tại kho xưởng của Công ty CP Tân Vĩnh Cửu, Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bến Thành	10.338.523.142	Đầu tư dự án điện năng lượng mặt trời	Đến 19/12/2027	13,8	Toàn bộ hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà hình thành trong tương lai và đã hình thành trên các mái nhà theo các Hợp đồng thuê mái; toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê của công ty trong Tập đoàn; toàn bộ phần vốn góp của công ty trong Công ty cùng Tập đoàn; và Bảo lãnh cá nhân của chủ tịch.
Tổng cộng	4.554.152.289.628				
Trong đó:					
Đáo hạn trong vòng 1 năm	447.639.213.590				
Vay ngắn hạn ngắn hạn	50.000.000.000				
Vay ngắn hạn dài hạn	4.056.513.076.038				

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

(*) Khoản vay với ngân hàng DBS Bank Ltd., Singapore được thế chấp bằng những tài sản chi tiết sau:

Bên bảo lãnh

Tài sản thế chấp

Công ty Cổ phần BCG Energy

Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG Gaia
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Bàng Dương

Công ty Cổ phần BCG GAIA

Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Bàng Dương
Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital

Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Bàng Dương

Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương

Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Toàn bộ bất động sản thuộc Dự án
Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án

Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Bàng Dương

Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Toàn bộ động sản thuộc Dự án
Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án

Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd.

Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA

Ông Phạm Minh Tuấn

Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA

Bà Hoàng Thị Minh Châu

Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan và dài hạn với bên liên quan và các đối tượng khác như sau (tiếp theo):

Bên liên quan Ngắn hạn	Tại ngày 31.12.2023 VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Mega Solar	15.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 30/4/2024	12,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần E Power 1	3.070.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/12/2024	0	Tín chấp
Công ty Cổ phần BCG SP GreenSky	800.000.000	Thanh toán chi phí hoạt động	Đến 25/5/2024	8,5	Tín chấp
	<u>19.370.000.000</u>				
Dài hạn					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	500.000.000.000	Mua sắm, lắp đặt thiết bị, và thi công dự án nhà máy điện gió	Đến 19/11/2026	16	Tín chấp
	<u><u>500.000.000.000</u></u>				

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan và các đối tượng khác như sau (tiếp theo):

Ngắn hạn	Tại ngày 31.12.2023 VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd.	659.475.000.000	Đây là khoản vay bằng USD để bổ sung vốn lưu động. Số dư tại ngày 31.12.2023 bằng USD là 27.000.000 Đô la Mỹ tương đương với 659.475.000.000 Đồng.	Đến 30/6/2024	8	(**)
Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd.	115.774.500.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 01/03/2024	10,5	Tín chấp
Ông Huỳnh Phúc Đạt	46.895.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 4/8/2024	10	Tín chấp
Công ty TNHH Tulip Solar	14.234.000.000	Xây dựng các dự án năng lượng điện áp mái Phát triển dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2 và/hoặc hợp tác đầu tư/hợp tác kinh doanh với các tổ chức/cá nhân nhằm mở rộng năng lực hoạt động của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên trong lĩnh vực năng lượng tái tạo	Đến 18/4/2024	8,5	Tín chấp
Bà Phạm Thị Ngọc Thanh	9.253.000.000	Tài trợ hoạt động kinh doanh và tài trợ chi phí phát triển dự án năng lượng mặt trời	Đến 5/9/2024	0	Tín chấp
Ông Phạm Quang Khải	1.041.000.000	Tài trợ hoạt động kinh doanh và tài trợ chi phí phát triển dự án năng lượng mặt trời	Đến 27/3/2024	0	Tín chấp
	1.540.000.000	Tài trợ hoạt động kinh doanh và tài trợ chi phí phát triển dự án năng lượng mặt trời	Đến 24/4/2024	0	Tín chấp
	<u>848.212.500.000</u>				

18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan và các đối tượng khác như sau (tiếp theo):

(**) Khoản vay với Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd. được thế chấp bằng tài sản của các bên bảo lãnh chi tiết như sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 Tất cả tài khoản ngân hàng của Công ty bao gồm các tài khoản tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Công ty Cổ phần BCG Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GaiA Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwah - BCG Băng Dương
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tất cả tài sản thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1 Tất cả giấy tờ pháp lý liên quan đến Dự án Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long – Cà mau giai đoạn 1 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long – Cà mau giai đoạn 2 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long – Cà mau giai đoạn 3 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1 Các tài khoản ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Nam Á và Ngân hàng TMCP Phương Đông
Ông Nguyễn Hồ Nam	5 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
Ông Phạm Minh Tuấn	2,369 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital 22.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG GAIA
Bà Hoàng Thị Minh Châu	2.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG GAIA

18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Chi tiết về trái phiếu phát hành ngắn hạn và dài hạn như sau:

	Tại ngày 31.12.2023			Tại ngày 31.12.2022		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%		VND	%	
Dài hạn						
Loại phát hành theo mệnh giá (*)	500.000.000.000	13	5 năm	500.000.000.000	13	5 năm
Loại phát hành theo mệnh giá (**)	-			2.289.000.000.000	14	3 năm
	<u>500.000.000.000</u>			<u>2.789.000.000.000</u>		

(*) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là TNECH.2227001, phát hành từ ngày 9 tháng 12 năm 2022 có mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng các tài sản chi tiết như sau:

- Toàn bộ phần góp vốn thuộc chủ sở hữu của các bên góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên;
- Toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ và liên quan đến Dự án Krông Pa 2 (bao gồm nhưng không giới hạn quyền kinh doanh, khai thác, phát triển Dự án Krông Pa 2, nguồn thu từ Dự án Krông Pa 2 và các quyền tài sản khác phát sinh từ Dự án Krông Pa 2;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Krông Pa 2 (sau khi đủ điều kiện thế chấp theo quy định cả pháp luật);
- 19.284.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital thuộc sở hữu của các cá nhân/tổ chức khác;
- Các tài sản và biện pháp bảo đảm khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của tổ chức phát hành và/ hoặc bên thứ ba theo thỏa thuận giữa các bên liên quan được bổ sung, thay thế tại từng thời điểm nhằm bảo đảm cho các nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu.

Mục đích phát hành là tăng quy mô vốn hoạt động của Tập đoàn.

(**) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCH2124002 và EBCCH2124003 với mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu, phát hành lần lượt từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và ngày 24 tháng 5 năm 2021.

Loại hình trái phiếu này là của 2 loại: trái phiếu không chuyển đổi và trái phiếu không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng 33.000.000 cổ phần của các cổ đông Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và toàn bộ quyền, lợi ích phát sinh từ và liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1.

18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Chi tiết về trái phiếu phát hành ngắn hạn và dài hạn như sau:

Mục đích phát hành hai loại trái phiếu này là đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư (Thuyết minh 10(a)).

Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 37/2022/BB-HĐQT-BCGE ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc thay đổi lãi suất áp dụng đối với kỳ tính lãi tiếp theo của trái phiếu EBCCH2124002 và EBCCH2124003, cụ thể, lãi suất cố định là 14%/năm lần lượt tương ứng với kỳ tính lãi từ 26 tháng 10 năm 2022 đến 26 tháng 10 năm 2023 và từ 25 tháng 11 năm 2022 đến 25 tháng 11 năm 2023, lãi suất áp dụng với kỳ còn lại là 10%/năm.

Tại ngày 16 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thực hiện thanh toán trước hạn cho lô trái phiếu có mã EBCCH2124002 phát hành ngày 26 tháng 4 năm 2021 và cho lô trái phiếu có mã EBCCH2124003 phát hành ngày 24 tháng 5 năm 2021.

19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	8.558.450.265	7.489.276.050
Biến động gộp về thuế TNDN hoãn lại, không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm tài chính như sau:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại:		
	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.489.276.050	2.533.236.442
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 30)	1.069.174.215	4.956.039.608
Số dư cuối năm	8.558.450.265	7.489.276.050

19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại phải trả:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	75.412.559.531	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 30)	(314.316.371)	-
Mua công ty con (Thuyết minh 3)	4.261.785.784	75.412.559.531
	<u>79.360.028.944</u>	<u>75.412.559.531</u>
Số dư cuối năm	<u>79.360.028.944</u>	<u>75.412.559.531</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 20% (năm 2022: 20%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

(a) Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại

	2023 VND	2022 VND
Chênh lệch lợi nhuận chưa thực hiện	8.558.450.265	7.489.276.050
	<u>8.558.450.265</u>	<u>7.489.276.050</u>

(b) Chi tiết thuế TNDN hoãn lại phải trả

	2023 VND	2022 VND
Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý khi mua công ty con	79.360.028.944	75.412.559.531
	<u>79.360.028.944</u>	<u>75.412.559.531</u>

19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI (tiếp theo)

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ tính thuế		Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
		Số lỗ phát sinh VND	đã được sử dụng VND	
2022	Chưa quyết toán	69.550.912.135	(69.550.912.135)	-
2023	Chưa quyết toán	82.787.664.568	(7.277.820.231)	75.509.844.337
		<u>152.338.576.703</u>	<u>(76.828.732.366)</u>	<u>75.509.844.337</u>

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	730.000.000	-	450.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	-	450.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730.000.000	-	450.000.000	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	369.800.000	50,66	369.800.000	82,18
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	8.500.000	1,16	8.500.000	1,89
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	6.000.000	0,82	6.000.000	1,33
Cổ đông khác	345.700.000	47,36	65.700.000	14,60
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	100	450.000.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	217.500.000	2.175.000.000.000	2.175.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	232.500.000	2.325.000.000.000	2.325.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	450.000.000	4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	280.000.000	2.800.000.000.000	2.800.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	730.000.000	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.175.000.000.000	262.422.321.599	2.144.285.298.846	4.581.707.620.445
Phát hành cổ phiếu	2.325.000.000.000	-	-	2.325.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	359.977.222.304	(64.444.837.383)	295.532.384.921
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	(253.205.362.285)	349.043.801.670	95.838.439.385
Chia cổ tức bằng tiền	-	(121.000.000.000)	-	(121.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.500.000.000.000	248.194.181.618	2.428.884.263.133	7.177.078.444.751
Phát hành cổ phiếu (*)	2.800.000.000.000	-	-	2.800.000.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	(35.911.486.594)	(116.808.939.470)	(152.720.426.064)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	(25.633.293.860)	(60.622.727.404)	(86.256.021.264)
Chia cổ tức (**)	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.300.000.000.000	186.649.401.164	2.249.452.596.259	9.736.101.997.423

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 23/2023/NQ-HĐQT-BCGE ngày 16 tháng 12 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Cổ đông số 23/2023/BB-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 29 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 4.500 tỷ Đồng lên 7.300 tỷ Đồng.

(**) Theo Biên bản Hội đồng Cổ đông số 01/2023/BB-ĐHĐCĐ-SKYLAR ngày 5 tháng 6 năm 2023, Đại hội Cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt, số tiền là 100 tỷ Đồng, trong đó cổ tức chia cho Công ty Cổ phần BCG Energy là 99 tỷ Đồng, cổ tức chia cho ông Phạm Đăng Khoa và bà Trần Thị Kiều Tiên là 1 tỷ Đồng.

Theo Biên bản Hội đồng Cổ đông số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ-WINDST ngày 15 tháng 5 năm 2023, Đại hội Cổ đông đã thông qua việc chia trả cổ tức bằng tiền mặt, số tiền là 10 tỷ Đồng, trong đó cổ tức chia cho Công ty Cổ phần BCG Energy là 9 tỷ Đồng, cổ tức chia cho ông Phạm Minh Tuấn và ông Nguyễn Thanh Hùng là 1 tỷ Đồng.

22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
(Lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	<u>(35.911.486.594)</u>	<u>359.977.222.304</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>463.416.322</u>	<u>345.758.904</u>
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>(77)</u>	<u>1.041</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**(a) Ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 110.690,38 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 91,607.99 Đô la Mỹ).

(b) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 35.

24 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu thuần về bán điện	1.084.075.180.757	1.003.126.557.081
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	41.572.137.877	59.444.650.932
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	-	1.212.406.000
	<u>1.125.647.318.634</u>	<u>1.063.783.614.013</u>

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn của điện đã bán	549.820.710.095	496.317.184.656
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	40.778.056.087	49.451.481.130
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	1.188.633.333
	<u>590.598.766.182</u>	<u>546.957.299.119</u>

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi phải thu theo BCC	717.336.171.144	603.750.624.390
Lãi tiền gửi, cho vay	19.098.568.162	33.674.723.081
Cổ tức nhận được	6.860.000.000	-
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	773.429.095	202.997.725.284
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.760.339	8.283.089.719
Lãi từ đánh giá lại khoản đầu tư theo giá trị hợp lý	-	99.442.907.581
Khác	640.000	-
	<u>744.073.568.740</u>	<u>948.149.070.055</u>

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay và trái phiếu	967.422.134.827	883.650.635.811
Chi phí phải trả theo BCC	200.832.509.921	190.810.159.074
Chênh lệch lỗ tỷ giá chưa thực hiện	99.735.147.130	19.713.633.157
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	19.202.027.497	3.493.333.336
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.911.585.405	59.004.851.714
Chi phí tài chính khác	55.174.818.519	39.810.994.903
	<u>1.345.278.223.299</u>	<u>1.196.483.607.995</u>

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.716.157.855	37.616.066.751
Chi phí nhân viên	17.606.666.059	16.312.478.635
Lợi thế thương mại phân bổ	8.352.856.076	8.352.856.076
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.735.908.664	5.486.000.178
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.661.712.676	708.137.332
Chi phí khác	12.279.093.297	13.062.842.311
	<u>70.352.394.627</u>	<u>81.538.381.283</u>

29 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập khác		
Nhận bồi thường do thi công chậm tiến độ	22.563.013.699	-
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	5.236.596.097	133.101.067.692
Khác	21.317.065.617	7.452.614.686
	<u>49.116.675.413</u>	<u>140.553.682.378</u>
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	(6.657.334.948)	(5.672.835.553)
Khác	(3.247.387.384)	(6.202.310.279)
	<u>(9.904.722.332)</u>	<u>(11.875.145.832)</u>
Lợi nhuận khác	<u>39.211.953.081</u>	<u>128.678.536.546</u>

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC (“Thông tư 78”) – Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật TNDN, cụ thể như sau:

Tại Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ - giai đoạn 1 và 2: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Hanwa - BCG Băng Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) (tiếp theo)

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bể Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời BCG - Bể Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2023 VND	2022 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(147.495.541.136)	333.086.082.584
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(12.096.596.097)	(133.101.067.692)
Chi phí không được khấu trừ	223.649.577.340	123.452.042.279
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	82.787.664.568	69.550.912.135
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(7.734.780.515)	(69.093.951.851)
Thu nhập chịu thuế ước tính	<u>139.110.324.160</u>	<u>323.894.017.455</u>
Thuế tính ở thuế suất 20%	4.533.495.438	37.553.697.663
Thuế tính ở thuế suất 10%	11.644.284.697	13.612.552.914
Thuế được miễn hoặc giảm	<u>(10.952.895.207)</u>	<u>(13.612.552.914)</u>
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>5.224.884.928</u>	<u>37.553.697.663</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		
Thuế TNDN - hiện hành	6.608.375.513	42.509.737.272
Thuế TNDN - hoãn lại	<u>(1.383.490.585)</u>	<u>(4.956.039.609)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>5.224.884.928</u>	<u>37.553.697.663</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ, lợi thế thương mại phân bổ	496.312.234.192	411.986.134.781
Chi phí nhân viên	37.323.555.133	37.711.974.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.737.494.290	142.339.313.286
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	3.309.578.011	1.093.164.090
Chi phí khác	40.288.018.297	41.484.026.187
	<u>660.970.879.923</u>	<u>634.614.612.711</u>

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh bán điện chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động mua bán điện là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

33 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (“BCLCTT”)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT:

	2023 VND	2022 VND
Mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	210.172.571.220	-
Thu hồi thanh lý tài sản các năm trước	17.748.194.897	-
Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	720.000.000.000
	<u>227.920.766.117</u>	<u>720.000.000.000</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tập đoàn được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital - một công ty được thành lập tại Việt Nam do chiếm 50,66% vốn điều lệ của Tập đoàn.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Ban điều hành, quản lý
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Công ty liên kết
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	Cùng công ty mẹ
Công ty Taxi Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Land	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Mega Solar	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Apollo Development	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever1	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever3	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever4	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever5	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever6	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever7	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Ivy Solar	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Pine Solar	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Greensky Infnitive-4	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Skylar4	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Apollo Dv1	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Apollo Dv2	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Công ty con của công ty liên kết

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Công ty con của công ty liên kết
Bà Trần Thị Kiều Tiên	Cổ đông
Ông Vũ Ngọc Tiến	Cổ đông
Ông Nguyễn Văn Lục	Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty con
Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần E Power 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Công ty thành viên cùng tập đoàn (*)
Công ty Cổ phần Indoba Trading	Công ty thành viên cùng tập đoàn (*)
Bà Phạm Thị Ngọc Thanh	Đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios (*)

(*) Từ ngày 31/12/2023, các đối tượng này không còn là bên liên quan của Tập đoàn.

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2023 VND	2022 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	8.800.535.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	4.834.780.000	4.612.540.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	2.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	2.550.000.000	-
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	490.000.000	492.727.273
	<u>19.225.315.000</u>	<u>5.105.267.273</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	34.633.869.870	33.832.688.349
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	14.978.934.659	15.603.912.782
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	12.265.000.000	13.243.840.161
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	3.044.893.189	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	2.282.771.756	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	2.282.771.756	-
Công ty Cổ phần BCG Land	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	192.271.465	385.326.251
Công ty Taxi Việt Nam	117.519.389	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	-	3.867.811.348
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	238.827.702
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	-	228.002.836.840
	<u>70.098.032.084</u>	<u>295.475.243.433</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
iii) Lãi hợp tác kinh doanh phải thu		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	418.691.264.655	313.424.657.534
Công ty Cổ phần BCG Land	1.102.000.001	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	17.901.861.765	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	200.946.082	-
Bà Trần Thị Kiều Tiên	-	32.586.738.083
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	-	970.317.918
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	-	298.743.200
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Greensky Infinite-4	-	298.743.200
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinite-1	-	373.429.002
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinite-2	-	373.429.002
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinite-3	-	373.429.002
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	-	612.423.563
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	-	671.873.460
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	-	671.873.460
Công ty TNHH BCG Ever5	-	373.429.002
Công ty TNHH BCG Ever6	-	373.429.002
Công ty TNHH BCG Ever7	-	225.292.242
	437.896.072.503	351.627.807.670
	437.896.072.503	351.627.807.670
iv) Vay		
Ông Phạm Minh Tuấn	10.522.347.604	-
Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	800.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	-	500.000.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	67.500.000.000
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	35.000.000.000
	11.772.347.604	602.500.000.000
	11.772.347.604	602.500.000.000

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
v) Trả gốc vay		
Công ty Cổ phần Mega Solar	52.000.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp	20.000.000.000	-
Ông Phạm Minh Tuấn	10.522.347.604	200.055.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	450.000.000	-
Công ty Cổ phần E Power 1	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	-	100.000.000.000
	<u>82.972.347.604</u>	<u>100.200.055.000</u>
vi) Lãi dĩ vay		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	74.298.630.139	42.739.232.877
Công ty Cổ phần Mega Solar	4.355.171.232	-
Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	38.936.984	-
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp	30.684.932	-
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	3.212.041.095
	<u>78.723.423.287</u>	<u>45.951.273.972</u>
vii) Cổ tức được chia		
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	<u>6.860.000.000</u>	<u>-</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<i>viii) Cho vay</i>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	7.410.022.927	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	7.259.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	825.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	607.000.000	-
Công ty Cổ phần E Power 1	169.000.000	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	35.678.000.000
Công ty Cổ phần Apollo Development	-	133.000.000
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	-	757.000.000
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	-	16.532.000.000
Công ty TNHH MTV Apollo Dv1	-	255.000.000
Công ty TNHH MTV Apollo Dv2	-	155.000.000
Công ty TNHH BCG Ever1	-	241.000.000
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	-	173.000.000
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	-	105.000.000
	<u>16.870.022.927</u>	<u>54.029.000.000</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<i>ix) Thu hồi cho vay</i>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	4.746.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	50.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	-	154.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Greensky Infnitive-4	-	95.000.000
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	-	111.200.000
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	-	135.000.000
Công ty Cổ phần Apollo Development	-	832.000.000
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	-	926.000.000
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	-	16.532.000.000
Công ty TNHH MTV Apollo Dv1	-	2.824.402.779
Công ty TNHH MTV Apollo Dv2	-	155.000.000
Công ty TNHH BCG Ever1	-	569.000.000
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	-	105.000.000
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	-	173.000.000
	4.796.000.000	22.611.602.779
	4.796.000.000	22.611.602.779

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
x) Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	333.252.170	265.762.529
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	112.431.949	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	68.883.285	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	28.218.082	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	11.095.890	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	3.149.998	-
Công ty Cổ phần E Power 1	1.725.535	-
Công ty Cổ phần Apollo Development	-	32.989.316
Công ty TNHH MTV Apollo Dv1	-	219.545.016
Công ty TNHH MTV Apollo Dv2	-	5.694.658
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	-	974.529.918
Công ty TNHH BCG Ever1	-	49.407.286
Công ty TNHH BCG Ever3	-	40.300.272
Công ty TNHH BCG Ever4	-	33.198.906
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	-	59.770.355
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	-	6.899.672
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	-	3.106.849
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	-	373.429.002
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Greensky Infnitive-4	-	298.743.200
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	-	373.429.002
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	-	373.429.002
	<u>558.756.909</u>	<u>3.110.234.983</u>
xi) Tăng vốn		
Ông Vũ Ngọc Tiến	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	-	2.325.000.000.000
	<u>30.000.000.000</u>	<u>2.325.000.000.000</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt	3.052.037.246	2.779.000.000
Trong đó:		
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	1.058.710.000	490.000.000
Ông Phạm Minh Tuấn	790.900.000	805.000.000
Bà Vũ Vân Ngọc Nicki	432.360.000	280.000.000
Ông Đồng Hải Hà	268.833.333	560.000.000
Ông Phạm Đăng Khoa	301.033.913	350.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Châu	108.500.000	245.000.000
Ông Nguyễn Việt Cường	91.700.000	49.000.000

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
<i>i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</i>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	5.686.526.000	416.059.200
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	3.009.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	2.709.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	766.923.000	2.444.036.440
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	529.200.000	533.600.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	402.198.480	1.309.398.480
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Skylar4	-	17.748.194.896
	<u>13.102.847.480</u>	<u>22.451.289.016</u>
<i>ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	53.734.324.321	120.110.980.737
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	7.000.000
	<u>53.734.324.321</u>	<u>120.117.980.737</u>
<i>iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)</i>		
Công ty Cổ phần E Power 1	107.403.483.975	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	1.035.000.000	35.678.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	607.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	600.000.000	-
	<u>109.645.483.975</u>	<u>35.678.000.000</u>
<i>iv) Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 7)</i>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	7.360.022.927	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	2.513.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	825.000.000	-
	<u>10.698.022.927</u>	<u>-</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
v) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 10(a))		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	2.380.468.707.237	53.759.890.412
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	1.094.970.218.082	654.621.917.808
Công ty Cổ phần Mega Solar	806.375.746.967	215.600.824.381
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	128.945.829.367	-
Công ty Cổ phần E Power 1	7.520.837.090	-
Công ty Cổ phần BCG Land	2.204.000.002	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	2.012.419.386	959.440.985
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	109.386.744	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng Bà Phạm Thị Ngọc Thanh	11.095.890	-
Bà Trần Thị Kiều Tiên	-	110.374.082.189
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	-	26.288.467
Ông Phạm Minh Tuấn	-	35.000.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	-	35.000.000
	-	195.000.000
	<u>4.422.618.240.765</u>	<u>1.035.607.444.242</u>
vi) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 10(b))		
Công ty Cổ phần BCG Land	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	-	2.500.000.000.000
	<u>10.000.000.000</u>	<u>2.510.000.000.000</u>
vii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14(a))		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	333.331.978.689	334.741.730.943
Ông Nguyễn Văn Lục	52.000.000.000	162.627.982.231
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	14.074.175.632	17.617.532.662
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	5.888.067.374	1.825.767.374
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	3.043.267.000	17.390.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	463.424.658	-
Công ty Cổ phần BCG Land	54.000.000	27.000.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	42.381.360	-
Công ty Taxi Việt Nam	631.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	-	4.251.709.067
Ông Phạm Minh Tuấn	-	396.053.886
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	-	281.725.750
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	228.750.000
	<u>408.897.925.713</u>	<u>539.388.251.913</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
viii) Phải trả người bán dài hạn (Thuyết minh 14(b))		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	145.236.163.767	-
Ông Nguyễn Văn Lục	105.627.982.231	-
	<u>250.864.145.998</u>	<u>-</u>
ix) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17(a))		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	31.406.917.811	5.475.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	15.362.534.246	52.379.900.000
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	260.443.833	-
Ông Phạm Minh Tuấn	-	2.850.000.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	-	80.678.500.000
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	3.212.041.095
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	-	907.200.000
Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1	-	903.000.000
	<u>47.029.895.890</u>	<u>146.405.641.095</u>
x) Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 17(b))		
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	387.167.000.000
	<u>-</u>	<u>387.167.000.000</u>

35 CÁC CAM KẾT**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2023 VND	2022 VND
Dưới 1 năm	5.038.941.339	9.291.800.114
Từ 1 đến 5 năm	11.787.808.898	16.545.799.558
Trên 5 năm	57.516.911.862	65.981.211.687
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>74.343.662.099</u>	<u>91.818.811.359</u>

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2023 VND	2022 VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	<u>4.383.803.977.892</u>	<u>4.338.231.700.236</u>

36 NỢ TIỀM TÀNG

- Tập đoàn đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án điện mặt trời và điện gió của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án điện mặt trời và điện gió là chưa chắc chắn.
- Theo Điều 77 và 78 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường (“Nghị định”) do Chính phủ ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2022, Tập đoàn có trách nhiệm tái chế tấm quang năng sử dụng trong các dự án điện mặt trời khi hết thời hạn sử dụng. Theo hướng dẫn của Nghị định, việc tái chế có thể theo các hình thức là tự thực hiện tái chế, thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế, ủy quyền cho tổ chức trung gian, hoặc có thể kết hợp các hình thức này. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn chưa xác định được phương thức tái chế do Nghị định chưa có hướng dẫn cụ thể.
- Tập đoàn đang có các hợp đồng thuê mái nhà để phục vụ cho các dự án điện mặt trời áp mái của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê mái nhà này, sau khi kết thúc hợp đồng thuê, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ thu hồi hệ thống điện mặt trời áp mái, khôi phục lại và hoàn trả lại mặt bằng khu vực lắp đặt về tình trạng như nêu tại biên bản bàn giao mặt bằng ban đầu nếu như bên cho thuê mái không mua lại hệ thống này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mái nhà liên quan đến các dự án điện mặt trời áp mái là chưa chắc chắn.

37 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã ký kết hợp đồng nguyên tắc ngày 31 tháng 1 năm 2024 để sở hữu 45% cổ phần Công ty Cổ Phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0304374871 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2006. Theo đó, Tập đoàn sẽ thực hiện phát triển thêm Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc - huyện Củ Chi, Nhà máy đốt rác Tâm Sinh Nghĩa - Long An, Xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An, Nhà máy xử lý rác Thành phố Rạch Giá - Kiên Giang tại Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Thủy Phương tại Xã Thủy Phương, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế và Nhà máy xử lý rác thải tại Xã Duy Minh, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam từ việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa nói trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 29 tháng 2 năm 2024.



Nguyễn Thị Thanh Hạ
Người lập



Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng



Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền